TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 212/2017/DS-PT
Ngày 25 - 12 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Thuấn

Bà Hoàng Thị Thu Hường

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Huỳnh Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 225/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* QTDT3

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt H - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc D - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Hoàng V - Chức vụ: Phó Giám đốc (Có mặt).

Địa chỉ: KpII, ttT3, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1967. Địa chỉ: KpII, ttT3, huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

2. Ông Đổ Thanh H, sinh năm: 1962 (Có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1962 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp KI, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

4. Bà Lê Thị S, sinh năm: 1943 (Mẹ ông Phan Văn H). Địa chỉ: Khu phố ĐQ, ttrT3, huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Anh Phan Vĩnh Ph, sinh năm: 1994 (Con ông Phan Văn H) - (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thanh H (Mẹ ruột) - (Có mặt).

6. Cháu Phan Minh Kh, sinh năm: 2005 (Con ông Phan Văn H) - (Vắng mặt).

Người giám hộ: Bà Nguyễn Thanh H (Mẹ ruột) - (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn QTDT3 trình bày:

Nguyên trước đây, ông Phan Văn H có vay của QTDT3 theo ba hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 12.11.065/HĐTD ngày 22/11/2012 với số tiền vay là 150.000.000 đồng, lãi suất 1,79%/tháng, 06 tháng đóng tiền lãi một lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, thời hạn trả nợ vay đến ngày 22/12/2013. Khi vay thì vợ chồng ông Đổ Thanh H, bà Nguyễn Thị Ng có dùng tài sản của mình thế chấp để đảm bảo nợ vay cho ông Phan Văn H là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 931046, diện tích 262,8m^2, đất vườn tạp, do Ủy ban nhân dân huyện AB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đổ Thanh H ngày 26/9/2001. Hai bên đã tự nguyện ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba theo hợp đồng thế chấp số 065/11 ngày 22/11/2012.

2. Hợp đồng tín dụng số 13.04.072/HĐTD, ngày 25/4/2013, ngày đến hạn trả nợ vay là ngày 25/5/2014, số tiền vay là 150.000.000 đồng, lãi suất 1,50%/tháng, 06 tháng đóng lãi một lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Khi vay ông Phan Văn H có thế chấp tài sản để bảo đảm nợ vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/07, ngày 25/07/2013, tài sản thế chấp gồm: Diện tích đất 57m^2, loại đất ở đô thị toạ lạc tại kv2, ttT3, huyện AB, tỉnh Kiên Giang do Ủy ban nhân dân huyện AB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thanh H theo giấy số AI 801986, ngày 20/6/2007.

3. Hợp đồng tín dụng số 13.07.105/HĐTD, ngày 25/5/2013, ông Phan Văn H vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 0,833%/tháng, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn. Khi vay ông Phan Văn H có thế chấp tài sản là diện tích đất 9.182m^2, loại đất lúa + đất ở nông thôn + vườn tạp toạ lạc tại kv2, ttT3, huyện AB, tỉnh Kiên Giang do Ủy ban nhân dân huyện AB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Văn H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ232770 (không ghi ngày tháng năm cấp).

Cả ba hợp đồng vay trên thể hiện người thừa kế số tiền vay của ông Phan Văn H là bà Nguyễn Thanh H (vợ ông H) và bà H có ký tên vào hợp đồng thế chấp tài sản. Tuy nhiên, do chỗ quen biết nên QTD không mời bà H đến trực tiếp ký tên mà đưa hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản cho ông Phan Văn H về đưa bà H ký, còn bà H có trực tiếp ký hay không, thì QTD không biết.

Từ ngày vay đến nay ông Phan Văn H không đóng tiền lãi và trả tiền gốc cho QTD theo hợp đồng tín dụng nói trên.

Nay ông Phan Văn H đã chết, nên QTDT3 yêu cầu hàng thừa kế của ông Phan Văn H là bà Nguyễn Thanh H (vợ ông H), cháu Phan Vĩnh Ph, Phan Minh Kh (Con ông H) và bà Lê Thị S (Mẹ ông H) có trách nhiệm trả nợ cho ông Phan Văn H theo ba hợp đồng vay tín dụng nêu trên với số tiền gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi giải quyết xong vụ án. Đối với hợp đồng thế chấp số 065/11 ngày 22/11/2012, nội dung vợ chồng ông Đổ Thanh H, bà Nguyễn Thị Ng dùng quyền sử dụng đất của mình để thế chấp nợ vay cho ông Phan Văn H. Nay có kết luận giám định chữ ký trong hợp đồng không phải vợ chồng ông ký tên, nên QTD không yêu cầu xử lý tài sản này và đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đổ Thanh H, bà Nguyễn Thị Ng.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh H trình bày:

Bà xác định từ trước đến nay bà không có cùng chồng bà là ông Phan Văn H ký bất kỳ hợp đồng tín dụng nào để vay tiền của QTDT3 và cũng không có ký hợp đồng thế chấp tài sản để cho ông Phan Văn H vay tiền. Việc thế chấp và vay tiền tại QTDT3 lúc ông Phan Văn H chồng bà còn sống như thế nào thì bà không rõ. Đến sau khi chồng bà chết, thì QTD mới cho bà hay sự việc chồng bà vay vốn.

Đối với số tiền chồng bà là ông Phan Văn H vay cả ba hợp đồng tổng cộng là 600.000.000 đồng, thì bà cũng không biết ông H vay để sử dụng vào việc gì. Trong các hợp đồng vay thì ông H có lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đổ Thanh H để thế chấp cho ông Phan Văn H vay 150.000.000 đồng, bà xác nhận ông Đổ Thanh H không có ký thế chấp cho ông Phan Văn H vay tiền, mà do ông Đổ

Thanh H gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn H quản lý, nên ông Phan Văn H tự ý lấy giấy đi thế chấp vay tiền QTD.

Nay ông Phan Văn H đã chết bà không đồng ý trả nợ tiền vay 600.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng vay cho QTD. Bà yêu cầu Toà án giải quyết theo pháp luật. Đồng thời, yêu cầu QTD trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đổ Thanh H, bà Nguyễn Thị Ng.

Bị đơn ông Đổ Thanh H trình bày:

Ông với ông Phan Văn H là anh em bạn rể với nhau, do ông thường xuyên đi làm ăn không có ở nhà, nên ông đã gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông cho ông Phan Văn H quản lý giùm. Sau khi ông Phan Văn H chết, thì ông mới biết ông Phan Văn H đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông để thế chấp vay vốn tại QTDT3 với số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Ông xác nhận từ trước đến giờ ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị Ng không ký hợp đồng thế chấp nào để bảo đảm nợ vay cho ông Phan Văn H. Hiện nay cũng đã có kết luận giám định chữ ký trong hợp đồng thế chấp ngày 22/11/2012 không phải của vợ chồng ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc QTDT3 trả lại cho vợ chồng ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 931046 do Ủy ban nhân dân huyện AB cấp cho ông Đổ Thanh H ngày 26/9/2001. Đồng thời yêu cầu QTD trả lại tiền chi phí giám định cho vợ chồng ông.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Bà là vợ của ông Đổ Thanh H, bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Đổ Thanh H. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Lê Thị S trình bày:

Bà là mẹ ruột của ông Phan Văn H, hiện nay ông Phan Văn H đã chết. Khi còn sống ông Phan Văn H vay tiền của QTDT3, việc vay tiền thì bà không biết do Phan Văn H đã có gia đình và sống riêng. Khi Phan Văn H chết thì tài sản của Phan Văn H gồm nhà và đất thì vợ và con của ông Phan Văn H là người thừa kế quản lý tài sản của ông H, bà không nhận tài sản và yêu cầu gì đối với tài sản của ông H để lại nên bà không có nghĩa vụ trả nợ cho QTD.

Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của QTDT3

2. Buộc bà Nguyễn Thanh H, anh Phan Vĩnh Ph và bà Lê Thị S thực hiện nghĩa vụ do ông Phan Văn H chết để lại là trả cho QTDT3 tổng số tiền

1.134.206.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi bốn triệu hai trăm lẽ sáu nghìn đồng)* trong phạm vi di sản do ông Phan Văn H để lại. Trong đó, số tiền vay gốc là 600.000.000đ *(Sáu trăm triệu đồng)*, tiền lãi tính đến 01/9/2017 là 534.206.000đ (*Năm trăm ba mươi bốn triệu hai trăm lẽ sáu nghìn đồng)*.

3. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba ngày 22/11/2012 giữa QTDT3 với với Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị Ng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/07 ngày 25/7/2013, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 072/04 ngày 25/4/2013 giữa QTDT3 với ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thanh H là vô hiệu.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của QTDT3 tự nguyện giao cho vợ chồng ông Đỗ Thanh H, bà Nguyễn Thị Ng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 931046, do Ủy ban nhân dân huyện AB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đỗ Thanh H ngày 26/9/2001.

5. Buộc QTDT3 trả cho bà Nguyễn Thanh H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 232770 do Ủy ban nhân dân huyện AB cấp cho hộ ông Phan Văn H không ghi ngày tháng năm và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện AB cấp cho ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thanh H theo giấy số AI 801986, ngày 20/6/2007 sau khi bà Nguyễn Thanh H, Lê Thị S, anh Phan Vĩnh Ph thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho QTDT3 theo bản án đã tuyên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, chi phí giám định và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, bị đơn bà Nguyễn Thanh H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Giải quyết cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn H trả số tiền 450.000.000 đồng trong phần di sản của ông H để lại, không đồng ý trả số tiền ông H vay QTD 600.000.000 đồng.

Về số tiền lãi đối với ba hợp đồng thế chấp của tổng số tiền 600.000.000 đồng là 534.000.000 đồng, thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn H không đồng ý trả nợ, yêu cầu giải quyết cả ba hợp đồng thế chấp vay 600.000.000 đồng là giả tạo, vì do ông Phan Văn H tự ý ký tên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thanh H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngược lại, ông Trần Hoàng V - Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn QTDT3 không đồng ý nội dung kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của bà H cho rằng hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa ông Phan Văn H với QTDT3 không có chữ ký của bà. Đồng thời, khi vay tiền ông Phan Văn H vay tài sản chung của vợ chồng là 450.000.000 đồng, vay thế chấp tài sản của Đổ Thanh H, bà Nguyễn Thị Ng là 150.000.000 đồng, nên hàng thừa kế thứ nhất của ông H chỉ thực hiện trả nợ trong phần di sản của ông H để lại là 450.000.000 đồng và không đồng ý trả số tiền lãi 534.206.000 đồng cho QTDT3 là không có căn cứ để chấp nhận.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc QTDT3 trả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thanh H, nhưng không buộc QTDT3 phải chịu án phí không có giá ngạch là thiếu sót, không đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, sửa án sơ thẩm về phần án phí cho phù hợp.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Ng đã triệu tập lần 2, nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bà Nguyễn Thanh H cho rằng khi ông Phan Văn H vay của QTDT3 theo các hợp đồng tín dụng với số tiền là 600.000.000 đồng. Trong đó, ông Phan Văn H vay tài sản chung của vợ chồng là 450.000.000 đồng và vay thế chấp tài sản của vợ chồng ông Đổ Thanh H và Nguyễn Thị Ng là 150.000.000 đồng, nay ông Phan Văn H đã chết, thì hàng thừa kế của ông Phan Văn H có nghĩa vụ thực hiện trả nợ trong phần di sản của ông Phan Văn H chết để lại, nên chỉ đồng đồng ý trả khoản nợ vay thế chấp tài sản chung của vợ chồng bà là 450.000.000 đồng.

Về số tiền lãi: Bà H cho rằng cho rằng cả ba hợp đồng tín dụng đều do một mình ông Phan Văn H tự ký thay cho ông Đổ Thanh H, bà Nguyễn Thị Ng và bà, nên hợp đồng này là giả tạo, nên không đồng ý trả số tiền lãi là 534.206.000 đồng.

Căn cứ vào ba hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 12.11.065/HĐTD ngày 22/11/2012 với số tiền vay là 150.000.000 đồng, lãi suất 1,79%/tháng, 06 tháng đóng tiền lãi một lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, thời hạn trả nợ vay đến ngày 22/12/2013. Ông Phan Văn H đã trả được tiền lãi đến ngày 05/01/2013 là 3.312.000 đồng (BL 41 - 42).

Hợp đồng tín dụng số 13.04.072/HĐTD, ngày 25/4/2013, ngày đến hạn trả nợ vay là ngày 25/5/2014, số tiền vay là 150.000.000 đồng, lãi suất 1,50%/tháng, 06 tháng đóng lãi một lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ông Phan Văn H đã trả được tiền lãi đến ngày 05/01/2013 là 550.000 đồng (BL 06 - 07).

Hợp đồng tín dụng số 13.07.105/HĐTD, ngày 25/5/2013, ông Phan Văn H vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 0,833%/tháng, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn (BL 13 - 14).

Đã thể hiện ông Phan Văn H vay của QTDT3 với số tiền là 600.000.000 đồng. Cả ba hợp đồng tín dụng nêu trên, khi vay tiền ông Phan Văn H đều có thế chấp tài sản để bảo đảm. Đối với hợp đồng tín dụng số 12.11.065/HĐTD ngày 22/11/2012 với số tiền vay là 150.000.000 đồng, thì ông Phan Văn H thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 931046, diện tích 262,8m^2, đất vườn tạp, do Ủy ban nhân dân huyện AB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đổ Thanh H ngày 26/9/2007. Hai bên đã tự nguyện ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba theo hợp đồng thế chấp số 065/11 ngày 22/11/2012. Mặc dù, hợp đồng thế chấp này đã được các bên thống nhất là vô hiệu và QTDT3 đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đổ Thanh H, bà Nguyễn Thị Ng khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, số tiền vay 150.000.000 đồng trong hợp đồng này, ông Phan Văn H là người đã nhận và đã trả tiền lãi đến ngày 05/01/2013 là 3.312.000 đồng (BL 41 - 42). Do đó, bà Nguyễn Thanh H kháng cáo chỉ đồng ý trả số tiền 450.000.000 đồng, trong phần di sản của ông Phan Văn H chết để lại là không có căn cứ chấp nhận.

Còn đối với tiền lãi, trong ba hợp đồng tín dụng ông Phan Văn H đã ký kết với QTDT3 có thể hiện lãi suất cho vay rõ ràng, nhưng ông Phan Văn H vẫn đồng ý ký kết, mặc dù cả ba hợp đồng tín dụng đều do một mình ông Phan Văn H tự ký thay cho ông Đổ Thanh H, bà Nguyễn Thị Ng và bà Nguyễn Thanh H. Nhưng ông Phan Văn H đã nhận tiền và sử dụng tiền từ đó cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định*". Hiện nay ông Phan Văn H đã chết, nên hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn H gồm Nguyễn Thanh H, anh Phan Văn Ph, bà Lê Thị S phải trả số tiền lãi thay cho ông Phan Văn H là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[3] Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn QTDT3. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thanh H, anh Phan Văn Ph, bà Lê Thị S phải có nghĩa vụ trả cho QTDT3 số tiền nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 01/9/2017 với số tiền 1.134.206.000 đồng là có căn cứ.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc QTDT3 trả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thanh H, nhưng không tính án phí là không đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên cần thiết phải sửa lại phần án phí, buộc QTDT3 phải nộp số tiền án phí không có giá ngạch là 200.000 đồng.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thanh H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang về phần án phí.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thanh H, anh Phan Vĩnh Ph và bà Lê Thị S phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho QTDT3 là 1.134.206.000 đồng = {36.000.000 đồng + [3% x (1.134.206.000 đồng - 800.000.000 đồng)]} = 46.026.000 đồng.

QTDT3 phải nộp án phí sơ thẩm 200.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thanh H không phải nộp, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà H.

[5] Chi phí giám định là 6.490.000 đồng, ông Đổ Thanh H và bà Nguyễn Thị Ng đã nộp xong số tiền này, nhưng yêu cầu của ông Đổ Thanh H được chấp nhận, nên không phải chịu tiền chi phí giám định.

Buộc QTDT3 hoàn trả lại cho ông Đổ Thanh H và bà Nguyễn Thị Ng số tiền 6.490.000đ *(Sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 271, 273, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 26 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng các Điều 137, 219, 471, 474, 637, 642 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thanh H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 25/2017/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

- *Phần tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của QTDT3.

2. Buộc bà Nguyễn Thanh H, anh Phan Vĩnh Ph và bà Lê Thị S thực hiện nghĩa vụ do ông Phan Văn H chết để lại là trả cho QTDT3 tổng số tiền 1.134.206.000đ *(Một tỷ một trăm ba mươi bốn triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng)* trong phạm vi di sản do ông Phan Văn H để lại. Trong đó, số tiền vay gốc là 600.000.000đ *(Sáu trăm triệu đồng)*, tiền lãi tính đến 01/9/2017 là 534.206.000đ (*Năm trăm ba mươi bốn triệu hai trăm lẽ sáu nghìn đồng)*.

3. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba ngày 22/11/2012 giữa QTDT3 với với ông Đổ Thanh H, bà Nguyễn Thị Ng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/07 ngày 25 tháng 7 năm 2013, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 072/04 ngày 25/4/2013 giữa QTDT3 với ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thanh H là vô hiệu.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của QTDT3 giao trả cho vợ chồng ông Đổ Thanh H, bà Nguyễn Thị Ng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 931046, do Ủy ban nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đổ Thanh H ngày 26/9/2001.

5. Buộc QTDT3 trả cho bà Nguyễn Thanh H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 232770 do Ủy ban nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp cho hộ ông Phan Văn H không ghi ngày tháng năm và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Uỷ ban nhân dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp cho ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thanh H theo giấy số AI 801986, ngày 20/6/2007 sau khi bà Nguyễn Thanh H, Lê Thị S, anh Phan Vĩnh Ph thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho QTDT3 theo bản án đã tuyên.

6. Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thanh H, anh Phan Vĩnh Ph và bà Lê Thị S phải nộp án phí sơ thẩm 46.026.000đ *(Bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng)* trong phạm vi di sản do ông Phan Văn H để lại.

QTDT3 phải nộp án phí sơ thẩm 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 17.464.000đ *(Mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 07402 ngày 21/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AB, tỉnh Kiên Giang. QTDT3 còn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 17.264.000đ *(Mười bảy triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng)*.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0006962 ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

7. Về chi phí giám định:

Buộc QTDT3 trả lại cho vợ chồng ông Đổ Thanh H và bà Nguyễn Thị Ng 6.490.000đ *(Sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày vợ chồng ông Đổ Thanh H và bà Nguyễn Thị Ng có đơn yêu cầu thi hành án về chi phí giám định, nếu QTDT3 không trả số tiền trên thì hàng tháng QTDT3 còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện AB;
- THA dân sự huyện AB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đình Thi